

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 375/2023/HC-PT

Ngày: 26 - 10 - 2023

V/v: “*Kiến quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực bảo
hiểm xã hội*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Ngọc Thái**

Bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Ân** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 215/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Kiến quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HC-ST ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị B; địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B: Ông Đinh Tuấn A; địa chỉ: Số 32 đường L, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Người bị kiện:

+ Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai; địa chỉ: Số 189B đường P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; do ông Trần Văn L1, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai, làm người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn L1: Bà Trần Thị Hồng H, Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai (*giấy ủy quyền số 804/GUQ-BHXXH ngày 28-6-2023*).

+ Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai; địa chỉ: Số 189B đường P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; do ông Trần Văn L1, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai, làm người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn L1: Bà Trần Thị Hồng H, Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai (*giấy ủy quyền số 804/GUQ-BHXXH ngày 28-6-2023*). Bà Trần Thị Hồng H có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;

Người đại diện theo pháp luật: ông Trương Hải L2 – Chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân huyện I1, tỉnh Gia Lai;

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Ngọc Q - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thân Trọng B1, Trưởng phòng Nội vụ huyện I1 của Ủy ban nhân dân huyện I1, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Công ty cổ phần thương mại I1; địa chỉ: Số 302 đường H1, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai;

Người đại diện theo pháp luật: ông Mai Văn Đ – Chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần thương mại I1. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Bưởi và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Đinh Tuấn A trình bày:

Bà B là người lao động thuộc Ty lương thực, làm việc tại Công ty lương thực huyện C, thuộc Ủy ban nhân dân huyện C cũ (*nay là huyện I1*) từ năm 1979 đến năm 1993.

Đầu năm 1993, bà B nghỉ sinh theo quy định.

Hết thời hạn nghỉ sinh, bà B không được công ty bố trí việc làm.

Công ty lương thực huyện C cũng không có quyết định cho thôi việc và không giải quyết trợ cấp thôi việc hay có thông báo nào liên quan.

Sau này bà B mới biết được trong thời gian bà nghỉ sinh, Công ty lương thực huyện C sáp nhập với Công ty thương mại C (*nay là Công ty cổ phần thương mại I1*) đã cho bà thôi việc.

Năm 2018, bà B biết Nhà nước có chính sách ưu tiên cho người lao động nghỉ việc trước năm 1995, chưa được nhận trợ cấp thôi việc và thời gian công tác 14 năm của mình được tính là thời gian công tác hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, nên bà B đã lập hồ sơ lao động để đề nghị được giải quyết chế độ.

Ngày 2-2-2021, bà B nộp hồ sơ lao động và văn bản xác nhận của Công ty cổ phần Thương mại I1 đến Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai để đề nghị giải quyết chế độ bảo hiểm, nhưng chờ đến tháng 5-2021, bà B vẫn không được giải quyết.

Ngày 17-5-2021, bà B làm đơn khiếu nại về việc không giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động nghỉ việc trước ngày 1-1-1995 đến cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai.

Ngày 26-5-2021, Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai tổ chức đối thoại. Tuy nhiên, họ chỉ lập Biên bản làm việc, ghi nhận lại ý kiến của bà. Đến ngày 27-5-2021 thì họ ban hành văn bản trả lời số 486/BHXXH-CST "*V/v trả lời bà Nguyễn Thị B*", cho rằng trường hợp của bà B là không có hồ sơ gốc (*vì công ty cho bà B thôi việc, không có quyết định cho thôi việc và không giải quyết chế độ thôi việc cho bà B*).

Ngày 31-3-2022, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai ra Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà B (*lần đầu*) số 108/QĐ-BHXXH, với nội dung quyết định tiếp tục thực hiện hành vi không tính thời gian làm việc trong khu vực Nhà nước trước ngày 1-1-1995 để làm cơ sở giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho bà B.

Quyết định này xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà B.

Do vậy, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 108/QĐ-BHXXH ngày 31-3-2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị B.

- Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai giải quyết chế độ Bảo hiểm xã hội cho bà là 15 năm (*trong đó, thời gian công tác từ 1979 đến 1993 là 14 năm, thời gian nghỉ sinh từ 1993 đến 1994 là 1 năm*) theo quy định pháp luật với số tiền là 340.000.000 đồng.

Người bị kiện là Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai, Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai là ông Trần Văn L1 và người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 108/QĐ-BHXH ngày 31-3-2022 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị B là đúng, bởi:

Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai tiếp nhận hồ sơ của bà B theo công văn số 1416/SLĐTBXH-LDVL ngày 23-10-2020 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Gia Lai chuyển đến đề nghị giải quyết chế độ cho bà B.

Ngày 25-12-2020, Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai tổ chức kiểm tra, xác minh thời gian công tác của người lao động trước ngày 1-1-1995, có đại diện Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Gia Lai tham dự.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu với các quy định của pháp luật và thống nhất ý kiến, đi đến kết luận:

Ban hành văn bản trả lời cho bà B yêu cầu đơn vị sử dụng lao động hoặc cơ quan quản lý, đơn vị cấp trên (*trường hợp đơn vị cũ sáp nhập, giải thể*) xác định rõ trường hợp bà B đã giải quyết chế độ một lần chưa, trường hợp chưa giải quyết thì phải có văn bản xác nhận theo quy định gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Căn cứ khoản 3 Mục I của Công văn 3595/LĐTBXH-BHXH ngày 18-9-2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn tính thời gian công tác đối với người lao động không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc trước ngày 1-1-1995, Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai có Công văn số 26/BHXH-CST ngày 12-1-2021 về việc trả lời bà B để hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

Ngày 2-2-2021, đại diện của bà B nộp bổ sung đơn đề nghị tính thời gian công tác trước 1-1-1995 để hưởng Bảo hiểm xã hội có xác nhận của Công ty cổ phần Thương mại I1 và đơn xin xác nhận viết tay (*có xác nhận của Ủy ban nhân dân huyện I1 ngày 2-1-2019*).

Tuy nhiên, trong các giấy tờ bổ sung do Công ty cổ phần Thương mại I1 và Ủy ban nhân dân huyện I1 xác định bà B có thời gian làm việc từ tháng 2 năm 1979 đến tháng 4 năm 1993 nghỉ chế độ thôi việc tại Công ty thương nghiệp C theo danh sách có xác nhận của Công ty thương nghiệp ngày 7-4-1994, nhưng không trả lời bà B đã nhận trợ cấp thôi việc một lần hay chưa, nên không đảm bảo theo đúng nội dung quy định tại khoản 3 Mục I Công văn 3595/BLĐTBXH- BHXH đã được hướng dẫn tại Công văn 26/BHXH-CST ngày 12-1-2021 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai.

Theo Công văn số 991/UBND-NV ngày 26-8-2019 của Ủy ban nhân dân huyện I1 về việc thực hiện chế độ đối với người nghỉ việc trước năm 1995, Công văn số 03- CV/Cty ngày 19-7-2019 của Công ty cổ phần Thương mại I1 về việc trả lời đơn khiếu nại thì Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai không có cơ sở xem xét thời gian công tác và hưởng chế độ bảo hiểm trước ngày 1-1-1995 cho bà B.

Bộ phận chuyên môn đã liên lạc với người đại diện của bà B là Luật sư Đinh Tuấn A, đề nghị nhận lại hồ sơ để hoàn thiện bổ sung.

Đến ngày 17-5-2021, Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai nhận được đơn khiếu nại của bà B về việc không giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội trong thời gian công tác cho người lao động nghỉ việc trước ngày 1-1-1995 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai.

Nội dung khiếu nại của bà B chưa đúng với thực tế.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai đã liên lạc với bà B, trao đổi và mời bà tham gia buổi làm việc với Bảo hiểm xã hội và các đơn vị có liên quan.

Ngày 26-5-2021 tại Bảo hiểm xã hội huyện I1 làm việc, trao đổi trực tiếp với bà B và các bên đi đến thống nhất ghi vào biên bản làm việc. Căn cứ nội dung buổi làm việc này, ngày 27-5-2021, Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai ra Công văn số 486/BHXXH-CST hướng dẫn cụ thể 4 nội dung xác nhận của cơ quan có thẩm quyền làm cơ sở để Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai xem xét hồ sơ và đề nghị Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định (*được quy định tại khoản 3 Mục II của Công văn 3595/BLĐTBOXH-BHXXH ngày 18-9-2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội*).

Tính đến ngày 26-12-2021, Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai chưa nhận được văn bản xác nhận của cơ quan quản lý người lao động đã được hướng dẫn tại Công văn số 486/BHXXH-CST ngày 27-5-2021.

Bà B khởi kiện.

Ngày 17-5-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đình chỉ giải quyết vụ án hành chính do người khởi kiện rút đơn khởi kiện.

Nay, bà B tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- *Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 108/QĐ-BHXXH ngày 31-3-2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai:*

Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai đã thực hiện các bước như yêu cầu bà B bổ sung hoàn thiện hồ sơ, cung cấp văn bản xác minh của cơ quan có thẩm quyền theo các văn bản trả lời và hướng dẫn để làm cơ sở báo cáo Bảo hiểm xã hội

Việt Nam xem xét giải quyết chế độ cho bà B, nhưng bà B không thừa nhận, nên nội dung khởi kiện này là không có căn cứ và người bị kiện không chấp nhận.

- *Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai giải quyết chế độ bảo hiểm cho bà B theo quy định của pháp luật với số tiền là 340.000.000 đồng:*

Ngày 15-4-2022, Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai có Công văn 419/BHXXH-CST về thời gian công tác trước năm 1995 của bà B để xin ý kiến của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Ngày 29-4-2022, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có Công văn số 1120/BHXXH-TST về việc tính thời gian công tác trước năm 1995 của bà B với nội dung: “Bà B đã nghỉ việc, hưởng trợ cấp một lần nên thời gian công tác từ tháng 12 năm 1979 đến tháng 2 năm 1993 không được tính hưởng bảo hiểm xã hội. Việc bà B đã nhận trợ cấp một lần hay chưa không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan BHXH”.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai đã có Công văn số 611/BHXXH-CST ngày 26-5-2022 về việc giải quyết hồ sơ trước năm 1995 của bà B (*bà B trực tiếp ký nhận qua Bưu cục BCP I1 ngày 30-5-2022*) và đề nghị bà Nguyễn Thị B đến Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai nhận lại hồ sơ.

Qua nhiều lần liên lạc, bà B vẫn không đến nhận lại hồ sơ: Ngày 12-7-2022, Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai đã đến bàn giao lại toàn bộ hồ sơ của bà B tại nhà của bà (*có giấy Biên nhận hồ sơ kèm theo*).

Đối chiếu với các nội dung trên, việc tính thời gian công tác trước năm 1995 của bà B không thuộc thẩm quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai, nên Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai cũng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai trình bày:*

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cung cấp các thông tin.

Tại Công văn số 829/SCT0VP ngày 29-5-2023 của Sở Công thương tỉnh Gia Lai có nội dung:

Sau khi thành lập Công ty Thương mại C (trên cơ sở sáp nhập Công ty Lương thực huyện và Công ty Thương nghiệp tổng hợp huyện) thì Công ty Thương mại C thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quyết định số 89/QĐ-UB-TTL ngày 22-3-1993 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai; đồng thời, Sở Tài chính đã liên hệ với Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh và rà soát

các hồ sơ tài liệu hiện đang lưu trữ tại Sở Tài chính liên quan đến nguồn vốn để giải quyết chế độ chính sách cho số lao động dôi ra của Công ty Thương mại C; nhưng hiện nay, tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh cũng như tại Sở Tài chính vẫn chưa tìm được các tài liệu liên quan, nên không có thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan để cung cấp cho Tòa án.

- Ủy ban nhân dân huyện I1 trình bày:

Căn cứ Thông báo số 1174/TB ngày 20-11-1992 của Bộ trưởng Bộ Thương mại đồng ý thành lập doanh nghiệp nhà nước, Quyết định số 44/QĐ-UB-TLL ngày 17-12-1992 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Quyết định số 89/QĐ-UB-TLL ngày 22-3-1993 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai; Quyết định số 06/QĐ-UB ngày 24-2-1993 của Ủy ban nhân dân huyện C theo đó thành lập Công ty Thương mại C (*trên cơ sở sáp nhập Công ty Công ty Lương thực huyện và Công ty Thương nghiệp tổng hợp huyện*); đồng thời, chuyển giao toàn bộ lao động, tiền vốn vật tư, cơ sở vật chất kỹ thuật v.v.. về tỉnh quản lý theo Quyết định số 06/QĐ-UB ngày 8-1-1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Ngày 3-4-1997, Công ty Thương mại C đổi tên thành Công ty Thương mại I1 theo Quyết định số 273/QĐ-UB ngày 3-4-1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Ngày 20-5-2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thương mại I1 thành Công Cổ phần Thương mại I1 và tiếp tục hoạt động cho đến nay.

Từ các cơ sở pháp lý nêu trên, Công ty Lương thực huyện không thuộc doanh nghiệp bị giải thể theo quy định đối chiếu khoản mục Văn bản số 3595/LĐTBXH-BHXX ngày 18-9-2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc hướng dẫn tính thời gian công tác đối với người lao động không còn hồ sơ gốc thể hiện thời gian làm việc trước ngày 1-1-1995. Văn bản xác nhận phải lập bởi cơ quan tuyển dụng và cơ quan quản lý người lao động, trường hợp cơ quan quản lý đã giải thể thì cơ quan quản lý cấp trên thực hiện việc xác nhận và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xác nhận, theo đó Ủy ban nhân dân huyện I1 không thẩm quyền thực hiện việc xác nhận theo quy định.

Ngoài ra, căn cứ khoản 3 Điều 4 của Quy chế về thành lập và giải thể doanh nghiệp Nhà nước ban hành kèm theo Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng số 388-HĐBT ngày 20-11-1991 và Điều 6 của Quy chế về thành lập và giải thể

doanh nghiệp Nhà nước ban hành kèm theo Nghị định của Hội đồng bộ trưởng số 388-HĐBT ngày 20-11-1991 (*được sửa đổi tại Điều 1 Nghị định số 156-HĐBT về sửa đổi, bổ sung Nghị định 388-HĐBT*) thì cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của Công ty Thương mại C vào năm 1993 là Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai; đồng thời, thẩm quyền quyết định cho bà B thôi việc thuộc về Công ty Thương mại C (*nay là Công ty Cổ phần Thương mại I1*), nên việc bà B đề nghị xác nhận bà chưa nhận trợ cấp khi Công ty cho thôi việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện I1.

Các tài liệu do Công ty cổ phần Thương mại I1 cung cấp, cụ thể là danh sách cán bộ công nhân viên nghỉ thôi việc kèm theo Tờ trình lập ngày 7-4-1993 do Kế toán trưởng lập và ông Nguyễn Đức Quỳnh, Giám đốc Công ty Thương mại C năm 1993 xác nhận, là cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân huyện I1 căn cứ thông tin đến cơ quan có thẩm quyền về vụ việc có liên quan theo yêu cầu.

Ủy ban nhân dân huyện I1 không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B.

- *Công ty cổ phần Thương mại I1 trình bày:*

Theo Quyết định số 06/QĐ-UB ngày 24-2-1993 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc sát nhập Công ty Thương nghiệp tổng hợp và Công ty Lương thực huyện C thành Công ty Thương mại C (sau đổi thành Công ty cổ phần Thương mại I1). Công ty Thương mại C bố trí sắp xếp lại lao động cho 40 người nghỉ việc, trong đó có 9 người chế độ hưu trí mất sức lao động và 31 người nghỉ theo chế độ thôi việc, hưởng trợ cấp một lần.

Theo Tờ trình ngày 7-4-1993 của Công ty Thương mại C “*xin nguồn vốn để giải quyết chế độ chính sách cho số lao động dôi dư*” (*kèm theo danh sách trích ngang cán bộ công nhân viên nghỉ hưu, nghỉ mất sức và nghỉ thôi việc*) gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân huyện C, Sở Tài chính vật giá tỉnh Gia Lai, Sở Thương mại và Du lịch tỉnh Gia Lai thì danh sách trích ngang cán bộ công nhân viên nghỉ theo chế độ thôi việc có tên bà Nguyễn Thị B (*năm thoát ly vào tháng 2 năm 1979, số năm công tác là 14 năm, số tiền thanh toán là 1,781,304 đồng*). Danh sách này có chữ ký của Giám đốc Công ty và kế toán thanh toán, số thứ tự là 25 trong bảng danh sách.

Tháng 9 năm 2000, bà B có đến Công ty Thương mại C rút toàn bộ hồ sơ, lý lịch.

Tháng 5 năm 2005, Công ty Thương mại C cổ phần hóa, chuyển đổi toàn bộ vốn của Nhà nước cho Cán bộ công nhân viên – người lao động trong Công

ty thành Công ty cổ phần Thương mại I1, không có chuyên mục nào ghi sổ nợ tiền thôi việc của người lao động.

Do thời gian quá lâu (29 năm), việc cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần có 100% vốn cổ đông và người lao động. Việc thay đổi lãnh đạo, con người..., nên việc lưu trữ những tài liệu như hóa đơn, chứng từ, phiếu thu, chi không còn lưu trữ nữa.

Người làm chứng là ông Trịnh Cao Cường trình bày:

Ông là kế toán của Công ty thương mại C (nay là Công ty cổ phần Thương mại I1). Năm 1993, ông có lập bảng danh sách trích ngang mà Tòa án đã cho ông xem tại phiên tòa ngày hôm nay. Theo yêu cầu của Công ty thương mại C là ông Nguyễn Đức Quýnh, thì ông lập danh sách đó. Sau khi ông lập danh sách, Công ty thương mại C có giao tiền thanh toán là 1.781.304 đồng cho bà B hay không, thì ông không biết.

Trên tờ danh sách đó có đánh dấu nhân (tức là chữ “X”) thì theo giải thích của lãnh đạo Công ty thương mại C, chỉ có 2 người không được nhận. Bà B có nhận tiền hay chưa thì ông không biết.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HC-ST ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội; Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11-11-2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị B về việc đề nghị Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 108/QĐ-BHXX ngày 31-3-2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị B và bác yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị B trong thời gian 15 năm (trong đó thời gian công tác từ 1979 đến 1993 là 14 năm, thời gian nghỉ sinh từ 1993 đến 1994 là 1 năm) với số tiền là 340.000.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/7/2023, người khởi kiện bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa quyết định của Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày: Đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện I1 trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về việc chấp hành pháp luật: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử và quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B là đúng pháp luật, bà B kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới. Đề nghị bác kháng cáo của bà B và giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị B thấy:

[1.1] Bà B làm việc tại Công ty lương thực huyện C (*nay là Công ty cổ phần thương mại I1*) từ năm 1979 đến năm 1993; thời điểm bà B nghỉ sinh vào năm 1993 thì công ty cho Bà thôi việc, nhưng không ra quyết định cho thôi việc và Bà cũng không được Công ty thông báo; theo Quyết định số 44/QĐ-UB-TLL ngày 7-12-1992 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Quyết định số 89/QĐ-UB-TLL ngày 22-3-1993 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Văn bản số 829/SCT-VP ngày 29-5-2023 của Sở Công thương tỉnh Gia Lai thì tại thời điểm bà B bị cho thôi việc, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai là cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên trực tiếp của người sử dụng lao động là Công ty Thương mại C. Năm 2018, Nhà nước có chính sách ưu tiên cho người lao động nghỉ việc trước năm 1995 chưa được nhận trợ cấp thôi việc, bà B lập hồ sơ đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai giải quyết. Sau khi tiếp nhận hồ sơ của bà B đề nghị giải quyết chế độ cho bà B, Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai đã thực hiện các thủ tục như yêu cầu bà B bổ sung hoàn thiện hồ sơ, cung cấp văn bản xác

minh của cơ quan có thẩm quyền theo các văn bản trả lời và hướng dẫn để báo cáo Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét giải quyết chế độ cho bà B.

[1.2] Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần thương mại I1 (trước đây là Công ty Thương mại C) trình bày: Công ty đã nhận được tiền do Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai chi trả và Công ty đã chi trả toàn bộ cho người lao động, trong đó có bà B được chi trả dưới hình thức trừ đi các khoản nợ trước đó mà bà B còn nợ lại của Công ty, tuy nhiên, Công ty cổ phần thương mại I1 không *lưu trữ những tài liệu như hóa đơn, chứng từ, phiếu thu, chi để chứng minh* bà B đã nhận tiền trợ cấp thôi việc một lần. Trường hợp bà Nguyễn Thị B khởi kiện để yêu cầu người có trách nhiệm phải chi trả tiền nghỉ thôi việc, hưởng trợ cấp một lần thì sẽ được Tòa án có thẩm quyền thụ lý, giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự và về lao động.

[1.3] Công văn số 1120/BHXXH-TST ngày 29-4-2021 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11-11-2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về Bảo hiểm xã hội bắt buộc thể hiện rằng, trường hợp của bà B đã nghỉ thôi việc, được hưởng trợ cấp một lần, thời gian công tác từ năm 1979 đến năm 1993 không được tính hưởng bảo hiểm xã hội; việc bà B nhận trợ cấp một lần hay chưa không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B (*lần đầu*) số 108/QĐ-BHXXH ngày 31-3-2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai và yêu cầu Tòa án buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai phải giải quyết chế độ bảo hiểm cho bà với số tiền là 340.000.000 đồng, là không có cơ sở để giải quyết.

[2] Tòa án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B là có căn cứ và đúng pháp luật. Bà Nguyễn Thị B kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới khác; do đó Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện bà B và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3] Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội; Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11-11-2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị B và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số: 05/2023/HC-ST ngày 4 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị B về việc đề nghị Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 108/QĐ-BHXXH ngày 31-3-2022 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị B và bác yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị B trong thời gian 15 năm (*trong đó thời gian công tác từ 1979 đến 1993 là 14 năm, thời gian nghỉ sinh từ 1993 đến 1994 là 1 năm*) với số tiền là 340.000.000 đồng.

2. Án phí: Án phí hành chính sơ thẩm bà Nguyễn Thị B phải chịu: 300.000, đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000174 ngày 15/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000322 ngày 01/ 8 /2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Bà Nguyễn Thị B đã nộp xong án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

3. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn

